

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2013/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 05 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Tờ trình số 55/TTr-STNMT-TTCNTT ngày 01/3/2013, kèm theo báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp (tại Báo cáo số 98/BC-STP ngày 28/01/2013),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu
về tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND
ngày 05/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, tài nguyên môi trường biển và đảo (sau đây gọi chung là dữ liệu về tài nguyên và môi trường); trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) trong việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Trường hợp Điều ước quốc tế có quy định khác thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 3. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải là bản chính, bản gốc gồm tài liệu, mẫu vật, số liệu đã được xử lý và lưu trữ theo quy định, bao gồm:

1. Dữ liệu về đất đai gồm:

a) Số liệu phân hạng, đánh giá đất, thống kê, kiểm kê đất đai; bản đồ phân hạng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất; hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, hồ sơ về giá đất.

b) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Bản đồ địa chính; kết quả giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục

đích sử dụng đất, thực hiện các quyền của người sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Dữ liệu về tài nguyên nước gồm:

- a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất.
- b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn.
- c) Các dữ liệu về khai thác và sử dụng tài nguyên nước.
- d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước.
- e) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cấp phép, trả lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; trám lấp giếng khoan.
- g) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước.

3. Dữ liệu về địa chất khoáng sản gồm:

- a) Thông kê trữ lượng khoáng sản.
- b) Kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và các mẫu vật địa chất, khoáng sản.
- c) Quy hoạch, kế hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, quy hoạch về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản.
- d) Bản đồ địa chất khu vực, địa chất tai biến, địa chất môi trường, địa chất khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình và các bản đồ chuyên đề về địa chất và khoáng sản;
- e) Khu vực đấu thầu hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản đặc biệt, độc hại; các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.
- g) Báo cáo hoạt động khoáng sản; báo cáo quản lý nhà nước hàng năm về hoạt động khoáng sản.
- h) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

4. Dữ liệu về môi trường gồm:

- a) Các kết quả điều tra, khảo sát về môi trường.
- b) Dữ liệu, thông tin về đa dạng sinh học.
- c) Dữ liệu, thông tin về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.
- d) Kết quả về giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.
- e) Danh sách, thông tin về các nguồn thải, chất thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

g) Các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được đưa ra khỏi

danh sách.

h) Kết quả điều tra, khảo sát về hiện trạng môi trường, chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, khí thải và nước thải.

i) Thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường được phép trao đổi.

k) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

5. Dữ liệu về khí tượng thủy văn gồm:

a) Các tài liệu, số liệu điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước, biến đổi khí hậu, suy giảm tầng ô dôn.

b) Các loại biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh, các loại phim, ảnh về các đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn.

c) Hồ sơ kỹ thuật của các công trình khí tượng thủy văn.

d) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hoạt động khí tượng thủy văn.

6. Dữ liệu về đo đạc và bản đồ gồm:

a) Hệ quy chiếu quốc gia.

b) Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia; hệ thống điểm đo đạc cơ sở, điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng.

c) Hệ thống ảnh máy bay, ảnh vệ tinh phục vụ đo đạc và bản đồ.

d) Hệ thống bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ hành chính, bản đồ địa lý tổng hợp và các loại bản đồ chuyên đề khác.

e) Hồ sơ cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hoạt động đo đạc và bản đồ.

g) Hệ thống thông tin địa lý.

h) Thông tin tư liệu thứ cấp được hình thành từ các thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ nêu tại các điểm a, b, c, d, e, f khoản này và thông tin tư liệu tích hợp của thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ với các loại thông tin tư liệu khác.

7. Dữ liệu tài nguyên môi trường biển và đảo gồm:

a) Dữ liệu về đất có mặt nước biển.

b) Dữ liệu về địa hình đáy biển.

c) Dữ liệu về tính chất cơ lý của nước biển.

d) Dữ liệu về địa chất biển, địa vật lý biển, khoáng sản biển.

e) Dữ liệu về dầu, khí biển.

g) Dữ liệu về sinh vật biển.

h) Dữ liệu về chất lượng môi trường biển.

i) Dữ liệu về khí tượng, thủy văn biển.

k) Dữ liệu về đảo.

l) Dữ liệu khác liên quan đến tài nguyên, môi trường biển.

8. Kết quả các cuộc thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp,

khiếu nại, tố cáo về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

9. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức-kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

10. Kết quả của các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

11. Dữ liệu khác liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn Tỉnh.

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải được kiểm tra, đánh giá, xử lý, chuyển sang dạng số và lưu trữ theo quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để thuận tiện cho việc quản lý, truy cập, tìm kiếm thông tin và bảo đảm an toàn dữ liệu. Hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố phải có kế hoạch thực hiện số hóa những dữ liệu chưa ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng. Kinh phí thực hiện số hóa dữ liệu được phân bổ trong kế hoạch ngân sách hàng năm theo quy định.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên

1. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường là tập hợp dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và được lưu trữ một cách có hệ thống, có tổ chức dưới dạng tệp dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các thiết bị lưu trữ và các vật mang tin như các loại ổ cứng máy tính, băng từ, đĩa CD, DVD... hoặc văn bản, tài liệu được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

2. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của Tỉnh là tập hợp toàn bộ các dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thu thập trên địa bàn Tỉnh và các dữ liệu về tài nguyên và môi trường có liên quan đến công tác quản lý nhà nước, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại Tỉnh.

4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị trực thuộc xây dựng, quản lý, lưu trữ, cập nhật, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của Tỉnh.

5. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của Tỉnh.

Chương II

THU THẬP, QUẢN LÝ DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 5. Quy định về cung cấp dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp cho các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu thành phần quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ và được bổ sung bởi Thông tư số 01/2011/TT-BTNMT ngày 21/01/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý, được thu thập hoặc có liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách cho Sở Tài nguyên và Môi trường Phú Yên.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để xây dựng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, trong thời hạn chậm nhất một (01) tháng kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu sản phẩm có trách nhiệm giao nộp cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Phú Yên một (01) bộ dữ liệu phải là bản chính, bản gốc theo quy định. Trường hợp quá (01) tháng nhưng chưa bàn giao dữ liệu tài nguyên và môi trường vào lưu trữ thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải lập danh mục gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

c) Biên bản giao nộp dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Phú Yên theo quy định là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

d) Những dữ liệu về tài nguyên và môi trường được tạo lập từ nguồn vốn khác thì Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch tiếp nhận trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Hình thức cung cấp dữ liệu:

a) Gửi dữ liệu trực tiếp qua mạng thông tin điện tử, gửi dữ liệu bằng văn bản, vật mẫu (qua đường văn bản hành chính, qua bưu điện).

b) Dữ liệu số, trên đĩa CD, DVD, băng từ, ... phải ghi rõ tên nội dung dữ liệu cơ quan cung cấp.

3. Thời hạn cung cấp dữ liệu:

a) Việc cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường hoặc cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thời hạn thực hiện theo quy định, yêu cầu.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp dữ liệu cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia theo các kỳ: 06 tháng (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6); một năm (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12).

c) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Phú Yên theo các kỳ: 06 tháng (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6); một năm (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12).

Điều 6. Trách nhiệm thu thập, quản lý dữ liệu

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn Tỉnh.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch thu thập, số hóa, cung cấp, chia sẻ dữ liệu về tài nguyên và môi trường của Tỉnh trước ngày 15 tháng 10 hàng năm và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch khi được phê duyệt.

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của Tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở; biên tập, phát hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của Tỉnh.

d) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Phú Yên phối hợp với các đơn vị có liên quan để thu thập, tiếp nhận, xử lý, xây dựng, quản lý, cập nhật, lưu trữ, cung cấp, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh; phục vụ các tổ chức, cá nhân khai thác dữ liệu, thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định; ký kết hợp đồng dịch vụ thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn; cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Phú Yên theo quy định.

Điều 7. Lập, phê duyệt, thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Việc lập kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải bảo

đảm các nguyên tắc và căn cứ lập kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh được quy định tại Điều 11, 12, 13, 14, 15 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Lập và phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp Tỉnh:

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường (đối với nhiệm vụ sử dụng kinh phí của tỉnh), gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp kế hoạch thu thập dữ liệu dự kiến.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu của các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường dự thảo kế hoạch; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh, xong trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

c) Sau khi phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã phê duyệt đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có phạm vi quản lý nhà nước liên quan đến các dữ liệu cần thu thập.

3. Lập và phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp huyện:

a) Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất các phòng, ban, UBND xã, phường, thị trấn và các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu của mình dự thảo kế hoạch; chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính-Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường của huyện, xong trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

b) Sau khi phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã phê duyệt đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Thực hiện kế hoạch:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm ở cấp tỉnh; Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm ở cấp huyện.

b) Việc thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế-kỹ

thuật về thu thập, cập nhật dữ liệu. Nội dung dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu dài hạn; ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích khác nhau.

c) Việc thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

d) Các hình thức thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường được quy định tại khoản 5 Điều 15 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu đã được thu thập

1. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá, xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Phú Yên có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp huyện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp huyện.

4. Nội dung kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại các Điều 17, 18, 19 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 9. Công bố danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng Internet, trang điện tử của các cơ quan Trung ương và địa phương (Công thông tin điện tử của Tỉnh và Trang tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường Phú Yên) nhằm phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của Tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá khả năng khai thác, sử dụng, mức độ phổ biến dữ liệu để xây dựng Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ.

3. Năm (05) năm một lần, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan biên tập, phát hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 10. Kinh phí cho hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng cơ sở

dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn Tỉnh do ngân sách nhà nước Tỉnh và cấp huyện bảo đảm, được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng năm.

a) Đối với kinh phí thực hiện thu thập, số hóa, xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện lập kế hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

b) Đối với kinh phí xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường lập dự án xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Chính sách khuyến khích của Nhà nước

Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu và hiến tặng các dữ liệu tài nguyên và môi trường để bảo đảm việc khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn Tỉnh. Tùy trường hợp cụ thể, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình Chủ tịch UBND tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

Chương III **CUNG CẤP, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU** **VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 12. Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu

1. Việc cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

2. Hình thức cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên internet chỉ thực hiện khi điều kiện phù hợp với khả năng công nghệ thông tin trực tuyến theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT ngày 31/7/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp thông tin và bảo đảm khả năng truy cập thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP.

Điều 13. Cung cấp tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam

1. Các cơ quan, tổ chức lưu giữ bí mật nhà nước khi cung cấp tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam phải được cấp có thẩm quyền duyệt theo quy định sau:

a) Bí mật nhà nước độ “TỐI MẬT” trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt được quy định tại Điều 1 Quyết định số 212/2003/QĐ-TTg ngày 21/10/2003 của Chính phủ.

b) Bí mật nhà nước độ “MẬT” trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường do Giám đốc sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện duyệt quy định tại Điều 1 Quyết định số 919/2003/QĐ-BCA(A11) ngày 21/11/2003 của Bộ Công an.

2. Thủ trưởng cơ quan lưu trữ dữ liệu cho phép cung cấp sử dụng tài liệu ngoài các tài liệu đã quy định ở khoản 1 của Điều này.

Điều 14. Bảo vệ bí mật nhà nước trong quan hệ tiếp xúc với tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Cơ quan, tổ chức công dân Việt Nam quan hệ tiếp xúc với tổ chức, cá nhân nước ngoài không được tiết lộ bí mật nhà nước.

2. Khi tiến hành chương trình hợp tác quốc tế hoặc thi hành công vụ nếu có yêu cầu phải cung cấp những tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải tuân thủ theo nguyên tắc:

a) Bảo vệ lợi ích quốc gia.

b) Chỉ cung cấp những tin được các cấp có thẩm quyền duyệt theo quy định sau:

+ Bí mật nhà nước thuộc độ “TUYỆT MẬT” do Thủ tướng Chính phủ duyệt;

+ Bí mật nhà nước thuộc độ “TỐI MẬT” do Bộ trưởng Bộ Công an duyệt, riêng trong lĩnh vực quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng duyệt;

+ Bí mật nhà nước thuộc độ “MẬT” do người đứng đầu hoặc người được ủy quyền của cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương duyệt.

Đối với người mang tài liệu, vật thuộc phạm vi bí mật nhà nước ra nước ngoài phải có văn bản xin phép và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý; văn bản xin phép phải nêu rõ người mang tài liệu, vật thuộc phạm vi bí mật nhà nước ra nước ngoài; tài liệu, vật sẽ mang đi; phạm vi, mục đích sử dụng. Khi xuất cảnh phải trình văn bản xin phép có sự phê duyệt của cấp có thẩm quyền cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu.

c) Yêu cầu bên nhận tin sử dụng đúng mục đích thỏa thuận và không được tiết lộ cho bên thứ ba.

Điều 15. Phối hợp, chia sẻ dữ liệu

1. Nguyên tắc phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Sở Tài nguyên và Môi trường

với các sở, ngành trên địa bàn Tỉnh thực hiện theo Điều 28 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

2. Nội dung phối hợp, chia sẻ dữ liệu:

a) Trong quá trình lập kế hoạch, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi dự thảo kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường đến các sở, ngành có dữ liệu cần thu thập và UBND cấp huyện đề nghị đóng góp ý kiến để bảo đảm tránh trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ; trong dự thảo kế hoạch cần nêu rõ những hoạt động, nhiệm vụ sẽ phối hợp thực hiện.

b) Trong quá trình thực hiện việc thu thập, xử lý dữ liệu, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên thông báo, trao đổi bảo đảm nhiệm vụ được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả; phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Phú Yên để bảo đảm việc thu thập, xử lý dữ liệu tuân thủ quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm chính xác, tin cậy, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực.

c) UBND cấp huyện, các sở, ngành quản lý dữ liệu và cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nghiệp vụ-kỹ thuật cần thiết để bảo mật hệ thống dữ liệu chung, bảo đảm sự chia sẻ dữ liệu chính xác, kịp thời, hiệu quả cho tổ chức, cá nhân.

Điều 16. Chế độ bảo mật dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu, vận chuyển tài liệu, lưu trữ, bảo quản, cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước và các hoạt động khác liên quan đến phạm vi bí mật nhà nước phải tuân thủ theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện thu thập, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường được cấp quyền truy cập riêng, nhất định trong từng thành phần dữ liệu, bảo đảm quản lý chặt chẽ đối với quyền truy cập thông tin trong cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải thực hiện bảo mật theo mức độ bảo mật quy định và phải có phương án bảo vệ các dữ liệu.

Điều 17. Hình thức, thủ tục khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu.

b) Khai thác và sử dụng dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa cơ quan quản lý dữ liệu và bên khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu theo hình thức phiếu hoặc văn bản yêu cầu được thực hiện theo quy định sau:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu nộp phiếu yêu cầu hoặc gửi văn bản yêu cầu cho các cơ quan quản lý dữ liệu quy định tại Điều 18 Quy chế này.

b) Khi nhận được văn bản yêu cầu hợp lệ của tổ chức, cá nhân cơ quan quản lý dữ liệu thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu. Thời hạn cung cấp dữ liệu do các bên thỏa thuận. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Điều 18. Trình tự, thủ tục cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thực hiện như sau

1. Nộp văn bản hoặc phiếu yêu cầu trực tiếp tại cơ quan quản lý và lưu trữ dữ liệu.

Nếu người yêu cầu cung cấp dữ liệu là cơ quan Nhà nước thì có thể gửi văn bản, phiếu yêu cầu thông qua bưu điện, fax.

2. Cơ quan quản lý dữ liệu tiếp nhận văn bản hoặc phiếu yêu cầu.

3. Thông báo nghĩa vụ tài chính (đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo khoản 2 Điều 22 Quy chế này, nhưng chưa xác định ngay được).

4. Ký kết hợp đồng (nếu cần).

5. Trả kết quả.

Điều 19. Những trường hợp không cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Văn bản yêu cầu cung cấp mà nội dung không rõ ràng, cụ thể.

2. Văn bản yêu cầu không có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu xác nhận đối với tổ chức; phiếu yêu cầu không có chữ ký, tên, địa chỉ cụ thể của cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu.

3. Không có, không rõ hoặc mục đích sử dụng không phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân không có quyền và nghĩa vụ liên quan đến dữ liệu.

5. Không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

6. Riêng đối với dữ liệu về đất đai, ngoài các khoản 1, 2, 3, 4, 5 ở Điều này thì dữ liệu đất đai sẽ không cung cấp cho các tổ chức, cá nhân yêu cầu để khiếu nại, tố cáo.

Điều 20. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Không được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng, trừ trường hợp đã giao kết trong hợp đồng.

2. Trả chi phí khai thác, sử dụng dữ liệu trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 22 Quy chế này.

3. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý dữ liệu những sai sót của dữ liệu đã cung cấp.

4. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác sử dụng dữ liệu của mình.

5. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp dữ liệu cung cấp dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Điều 21. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được quyền truy cập dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Truy cập đúng địa chỉ, mã khóa. Không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp.

2. Chỉ được khai thác sử dụng dữ liệu trong phạm vi mình được cấp. Không xâm nhập trái phép cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường, sử dụng đúng mục đích.

3. Quản lý nội dung các dữ liệu đã khai thác, không được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp đã thoả thuận, được phép của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Không được thay đổi, xóa, hủy, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ dữ liệu; không được tạo ra hoặc phát tán phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại cơ sở dữ liệu.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tài chính, tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, chịu trách nhiệm về sai phạm do khai thác, sử dụng dữ liệu gây ra.

Điều 22. Kinh phí khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thu thập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp thì không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

3. Trên cơ sở quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Tài chính chủ trì,

phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu, nộp, sử dụng phí khai thác các dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Chương IV

LƯU TRỮ, BẢO QUẢN, BẢO ĐẢM AN TOÀN DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 23. Lưu trữ, bảo quản dữ liệu

1. Tất cả các dữ liệu thu thập được phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hóa học và chuẩn hóa, số hóa dữ liệu để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ.

2. Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu về tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định, quy trình, pháp luật về lưu trữ.

Điều 24. Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số

1. Việc bảo đảm an toàn và chế độ bảo mật dữ liệu số về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 32 và Điều 33 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm việc thu thập, xử lý, cập nhật thông tin một cách đầy đủ, tin cậy, nhanh chóng, chính xác; đồng thời bảo đảm việc xây dựng, lưu trữ an toàn cơ sở dữ liệu.

b) Có các biện pháp quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung dữ liệu đối với nguy cơ tự nhiên hoặc do con người gây ra nhằm bảo đảm cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tinh thực hiện đúng chức năng, phục vụ đúng đối tượng một cách sẵn sàng, chính xác và tin cậy. Bảo đảm an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng.

c) Xây dựng danh mục cụ thể các dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước; mức độ mật và phương án bảo vệ các dữ liệu.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Phú Yên có trách nhiệm kiểm tra và sao lưu dữ liệu:

a) Định kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử.

b) Định kỳ mỗi năm 1 (một) lần sao lưu dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD) và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định của pháp luật.

Chương V

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 25. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích thực hiện tốt Quy chế này được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP.

Điều 26. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

1. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Phú Yên. Thời hạn cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì tổ chức, cá nhân phải giao nộp cho cơ quan quản lý dữ liệu theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo

dối, kiểm tra thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc các sở và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự